

Lan Man Chuyện Làng Tôi

Đỗ Đình Tuấn

Ao Ròng Đồng Xộp

Trong những ngày đi ngủ ở ngoài đồng như thế, bố tôi cũng thường mang theo một siêu nước chè tươi, một điều cày và một “nọn rơm” giữ lửa. Những người ngủ cùng một đồng vẫn thường làm rằm chuyện trò và thỉnh thoảng lại thổi lửa hút thuốc. Chính trong những ngày gian khổ và đầy lo âu này hình như mọi người càng nhớ tiếc cái thưở yên hàn vẫn tưởng còn như mới ngày hôm qua. Trong những câu chuyện làm rằm của họ thấy toàn nói về những hội hè, đình đám; chuyện con trai con gái chim chuột nhau; chuyện đám cưới đám xin; chuyện sinh cơ lập nghiệp...

Bố tôi cũng mãi đến năm 27 tuổi mới lấy vợ. Bố tôi còn nhớ rất cụ thể là đám cưới được tổ chức vào ngày 20 tháng 10 âm lịch (1940). Tiếng là lớn xác nhưng sang nhà vợ thì xấu hổ không cả dám đi đái. Thành thử cứ phải cố nhịn. Chỉ muốn nhanh nhanh chong chóng được “rước dâu” về để “đỡ bí” mà nào có được. Các cụ cứ con cà con kê mãi rồi mới cho rước dâu. Đã thế vừa ra khỏi cổng, mới đi lên đê được một đoạn, thì ông trưởng tộc họ vũ (bác đàn anh, con ông bác của mẹ tôi) đã lập một cái án thư chặn lối. Đám cưới lại phải dừng lại để “điều đình” về cái giá để mở lối cho đi. Cuối cùng phải chi đủ một đồng thì “ông anh” mới chấp nhận. Về đến nhà việc đầu tiên là bố tôi chạy ra vườn rồi mới vào làm lễ tơ hồng. Bố tôi bảo đó là lần “nhịn đái” kỷ lục nhất. Nhưng cũng nhờ “tính bức xúc của cái khối nước thải chứa trong bụng” ấy mà quên cả xấu hổ. Bố tôi kể chuyện này ai cũng phì cười. Bác Trương Hương tiếp luôn:

- Tôi cũng thế, lên nhà vợ cứ ngồi chết dí ở một góc giường, ai bảo làm gì thì làm theo như cái máy.

Chú Hội Mậu (em con ông chú của bố tôi) thì láu táu chen vào:

- Các bác lấy vợ khi đã lớn tuổi rồi còn đỡ chán. Em lấy vợ sớm, hãi lắm. Em chỉ sợ đến tối là bỏ lại bắt vào buồng ngủ chung với vợ. Ban ngày mình còn đi trốn được, chứ ban đêm thì biết trốn đi đâu. Thế là cứ còm nước xong, ông cụ lại cầm roi gọi về bắt phải vào buồng, rồi ông cụ khóa cửa ngoài lại. Em cứ phải đứng như trời trồng ở trong buồng. Mãi sau rồi cũng phải lần vào giường nằm nín thở sát mép ngoài giường. Cô ấy chùng chùng như cũng sợ cứ nằm nép mình tận sát vách

Mọi người cùng cười ồ và hỏi đùa-

- Thế sau làm thế nào mà lại gần nhau được mà đẻ lắm con thế?

Chú Hội Mậu lại láu táu trả lời một cách rất thật thà:

- Em cũng không biết nữa. Nhưng có lẽ là khi ngủ say thì tự nhiên nó hút vào nhau. Rồi dần dần thấy quen, thấy ấm, thấy thích. Đến lúc ấy mới thành vợ chồng được.

Nhưng bác Trương Hương và bố tôi thì khác. Cứ lấy vợ là ông tôi cho ra ở riêng ngay. Bởi vì ông tôi, như có lần tôi đã kể, có tới ba bà vợ đồng thê. Mỗi bà đều có một “tư dinh” và nằm gần như song song và cách đều trên bờ con sông Đào. Ông tôi ở với bà “chính thất phu nhân” Lê Thị Áng, người Nam Giám Đông, ở khu trung tâm. Phía bên tả, cách hai nhà là “tư dinh” của bà “trắc thất phu nhân” Vũ Thị Huyền, người Ninh Xá. Phía bên hữu, cũng cách hai nhà là “tư dinh” của bà “thứ thất phu nhân” Đoàn Thị Hương, người Nội Hưng, Nam Sách. Bà nội tôi - Lê Thị Áng, cứ đều đặn bốn năm sinh một lần. Không hiểu là ông bà tôi “xây dựng” với nhau từ năm nào. Nhưng cứ theo “sử sách” còn ghi lại được thì trong khoảng từ năm 1905 đến năm 1921 bà tôi sinh cả thảy năm lần được bốn chàng trai: Vinh, Hương, Đăng, Đặng. Duy nhất có một lần sinh con gái vào năm 1917 thì lại không nuôi được. Có lẽ vì vừa cần người giúp việc nhà nông lại vừa khát con gái nên bà nội tôi nuôi những ba cô con gái nuôi. Sau này có hai cô đi lấy chồng thiên hạ, không thấy đi lại gì nữa nên chúng tôi không biết gì về tình hình các cô ấy cả. Chỉ duy nhất có cô Đỡ lấy ông Trương Hồi người cùng làng, sinh được một trai, một gái thì cũng mất sớm. Nhưng các anh chị ấy vẫn đi lại bình thường như anh em bên ngoài. Năm 1925, bác cả Vinh nhà tôi đã sinh cô con gái đầu lòng Đỗ Thị Khang. Khoảng năm 1930, bác Đỗ Đình Vinh làm lý trưởng làng. Từ đó mới có tên là Lý Khang. Theo luật tục, khuôn đất ông tôi ở tất nhiên phải bàn giao cho con trưởng. Bà hai, bà ba mỗi bà chỉ có một con trai, nên cũng không phải lo gì về khoản “đất ở”. Duy chỉ có bà cả, còn những ba cậu con trai nữa là phải lo đến chuyện “san hộ”. Thế là ông tôi phải cắt ruộng đổi lấy ba sào đất vừa gò vừa ruộng ở khu Đồng Xộp đình làng cũ để “san hộ” cho ba cậu con trai Hương, Đăng, Đặng.

Khu Đồng Xộp này tương truyền có một vị thần đất to lắm. Ngài thường hay xuất hiện vào những đêm mùa xuân mưa phùn gió bắc. Lần thì người này thấy ngài đi từ Đồng Xộp ra đồng. Lần thì người kia lại thấy ngài đi

từ ngoài đồng trở về Đống Xộp rồi mất hút. Người ta bảo đó là những lần ngài đi “công tác” về. Theo những người “đã từng chứng kiến” kể lại thì ngài to bằng cái nồi gánh nước (nồi hông), sáng xanh, ngài đi đến gần thì trông rõ cả mũ cánh chuồn, xiêm y, hia hài bệ vệ lắm. Tôi được nghe kể nhiều về ngài nhưng chưa từng trông thấy ngài bao giờ. Nhưng chắc mọi người đều tin là “linh nghiệm” nên khi ra ở khu đất này mẹ tôi đã cho xây riêng một ngôi điện thờ vị thần đất này. Ngôi điện này có cái bệ khá cao. Nhưng lòng điện nhỏ thôi: trong cùng là cái bệ thờ có đặt một chiếc mũ ông công, dưới có cái bát hương với vài thứ đồ thờ sơ sài. Tiếp đến là một khoảng không gian chỉ đặt vừa một mâm cỗ. Mái điện không lợp ngói mà cuốn gạch rồi chát kín kiểu như người ta cuốn mui bể nước. Hai góc mái phía sau xây bít đốc lên để bằng. Hai góc mái phía trước có làm những đầu kèo giả uốn cong như những đao đình. Gần đây tôi về xem lại ngôi điện mới để ý thấy trên đỉnh điện có đề ba chữ Hán, nếu đọc xuôi như chúng ta đọc chữ quốc ngữ ngày nay, từ phía tay trái sang phía tay phải, thì trật tự của ba chữ đó là 在如敬 (tại như kính). Song song hai bên cửa điện cũng thấy ghi một đôi câu đối, mỗi vế năm chữ. Vế bên tay trái là: 土旺人常旺 (thổ vượng nhân thường vượng) và vế phía bên tay phải là: 神安宅自安 (thần an trạch tự an). Ngôi điện tuy nhỏ nhưng trông thanh thoát và tôn nghiêm.

Có lẽ đây chỉ là ngôi điện thờ riêng của cư dân Đống Xộp. Tôi không thấy người làng vào cúng khấn ở ngôi điện này bao giờ. Nhưng nhà bác Trương Hương, nhà tôi và nhà chú Đặng thì tuần rằm mùng một nào và mỗi khi nhà có việc cúng giỗ đều thấy có mang lễ ra điện thờ để cầu cúng ngài. Khi thì cũng bằng cỗ mặn, cũng có khi thì chỉ cúng bằng hoa nghi và quả phẩm thôi. Những năm tôi đã nhơn nhơn, thường cứ mỗi lần chuẩn bị ra điện làm lễ, bố tôi lại sai tôi ra dọn dẹp trước. Tôi phải lau chùi đồ thờ và quét dọn lòng điện cho sạch sẽ. Đó cũng là lúc mà bố tôi áo lương khăn xếp chỉnh tề rồi bưng mâm cỗ cúng sang điện. Ông cụ đặt mâm cỗ xuống lòng điện, kiểm kê các thứ... rồi thắp hương, rót rượu xong, thì ra đứng trước cửa điện lầm rầm khấn vái. Tôi chưa bao giờ nghe rõ và biết được nội dung của những lời khấn ấy. Chỉ thấy ông cụ lòng hai bàn tay vào nhau chắp trước ngực, đứng nghiêm trang lầm rầm khấn, một lúc thì lại vái mấy chiếc, rồi lại đứng nghiêm lầm rầm khấn. Trong khi khấn, thỉnh thoảng lại thấy ề...ề... mấy cái, hình như là để ngắt giọng và lấy hơi... Cũng có thể là để nghĩ những câu khấn tiếp. Độ vài điệp khúc như thế thì kết thúc. Ông cụ về, còn tôi thì phải ở lại để canh mèo. Khoảng độ tàn hương thì ông cụ mới ra xin lễ, bưng về.

Ngay cạnh Đống xộp, về phía Bắc có một cái ao làng khá to gọi là Ao Ròng. Người làng tôi vẫn giải thích lai lịch cái tên Ao Ròng là vì trước đây có thời kỳ loạn lạc gì ấy, người làng tôi đã phải đem các thứ đồ thờ trong đình ra chôn giấu ở đây. Từ đó mới có tên là Ao Ròng. Nhưng nhiều người làng tôi cho biết chính ngôi đình cũ của làng cũng xây ngay trên khu Đống Xộp này. Người ta còn cho biết rất cụ thể vị trí của nền đình nằm trên khuôn đất mà bác Trương Hương tôi hiện đang ở. Quả có như vậy thật. Bởi vì ngay trước cổng nhà tôi và nhà bác Trương Hương vẫn còn một thửa đất rất vuông vắn, làng giao cho ông Ủn là người làm “mới” trước đây của làng sử dụng. Bà Ủn chuyên cho cấy khoai bông, khoai ngứa để lấy dọc khoai nuôi lợn và dải khoai nấu ốc. Nhưng người làng tôi không ai gọi cái thửa ruộng cấy khoai này là “ruộng khoai” cả, mà vẫn gọi nó là “sân đình”. “*Ra Sân Đình bảo bà Ủn bán cho mấy bó dọc khoai*”; “*Ra Sân Đình bảo bà Ủn bán cho mớ dải khoai*”... Chính cách gọi tên không chính xác này của người làng tôi lại thành ra rất văn hóa. Nó gọi được cả quá khứ. Nó gọi lên được sự biến thiên của đời...đầy “bãi bể nương dâu”...

Khu đình mới của làng tôi lại chuyển ra vị trí khác ở phía tây làng cách khu đình cũ chừng trăm mét. Đó là một khu đất cao và tách biệt hẳn ra với làng. Tất cả các công trình văn hóa tâm linh tín ngưỡng của làng tôi đều được xây dựng ở trên khu đất này. Chính giữa khuôn viên là ngôi “đình mới”, kiến trúc theo lối “chữ đình ngắn đuôi” gồm một gian cung và ba gian tiền tế. Phía bên hữu và dịch lên phía trước là ba gian chùa, mở cửa dọc phía đầu hồi để có cùng hướng Bắc-Nam với ngôi đình. Cái cửa dọc này quanh năm đóng im ỉm. Trước cửa chùa có một chậu cây cảnh gọi là cây đòi mồi, có lá to như lá vối, lại lốm đốm nhiều màu trông rất sặc sỡ, không khác gì một chậu hoa vậy. Từ phía sân đình đi lên chỉ thấy mở một cửa nách hẹp để đi vào chùa. Phía bên tả và lùi hẳn về phía sau lại có một gian thờ riêng nữa gọi là Đền Mẫu, nhìn ra phía Ao Ròng là hướng chính đông. Trong đền, trên tường bệ thờ thấy có treo một bức phù điêu sơn son thếp vàng, vẽ một bà công chúa hai bên có bốn ti nữ hầu quạt và hầu nước. Chắc là bà “Công chúa Trần triều” đã mở bến, lập chợ và chiêu dân lập ấp ở vùng tôi đây. Nhưng sao ngoài Chợ Bến (cũng có một tên nữa là Chợ Cống), ngay sát đê, làng tôi còn có hẳn một ngôi đền thờ bà quy mô hơn nhiều?

Gia đình ông từ trông coi khu này cũng được bố trí ở phía bên tả ngôi đình nhưng dịch lên phía trước và ở thấp hơn. Đó là một khu nhà tranh, một sân vôi khá rộng ngay dưới sân đình, một cái ao tù con con. Trước cửa chùa còn có mấy thước đất để cho gia đình ông từ làm vườn trồng rau, trồng khoai. Phía sau khuôn viên là vườn cây ăn quả, chủ yếu là trồng nhãn. Có tới vài chục cây nhãn. Chỉ đằng sau chùa là có hai cây táo: một

cây táo xoan và một cây táo bột. Xung quanh khuôn viên có trồng tre bao bọc, và mọc xen kẽ đây đó là những bụi trà vó, vú bò, rút rế... Khuôn viên đình, chùa và đền làng tôi phải nói là một khuôn viên đẹp. Nhưng đến thời chúng tôi biết, thì không thấy có hội hè đình đám gì nữa. Thời kháng chiến chống Pháp, ít năm đầu vẫn còn giữ tục “Đăng cai”. Hộ nào đến phiên “Đăng cai” vẫn thấy đóng oản, mua chuối ra làm lễ ở ngoài chùa, ngoài đình. Sau làm lễ thì chia phần, xếp lên hai chiếc mâm thau, cho ông Ủn gánh đi phân phát cho các hộ trong làng theo tiêu chuẩn của từng nhà, nhiều ít khác nhau. Riêng nhà tôi, tuần rằm mồng một nào tôi cũng được nhận một góc oản và nửa quả chuối. Có vậy thôi mà cứ nghe thấy có tiếng chuông chùa thỉnh là đã thấy mong mong thỉnh thích. Nhưng sau, thì lệ này cũng bỏ. Từ đó khuôn viên này hình như không còn là của làng nữa. Nó chỉ là khuôn viên của riêng gia đình ông Nho Mại. Đến thời “Hợp Tác” thì ngôi đình và ngôi đền cũng bị phá. Còn lại có ba gian chùa, nhưng hoàn toàn hương lạnh khói tàn. Nó trở thành như một cái kho để tượng, nhện chằng và ẩm mốc.

Cư dân đầu tiên ở khu Đống Xộp này là bác Trương Hương. Khi ông anh làm lý trưởng thì ông em làm trương tuần. Khoảng năm 1932, bác Trương Hương đã sinh cô con gái đầu lòng Đỗ Thị Thư. Ấy vậy mà người làng vẫn cứ gọi bác là “Trương Hương” chứ không gọi là “Trương Thư” theo nguyên tắc “kỵ húy” như với những người khác. Tôi rất thắc mắc về cái “biệt lệ” này. Bởi vì làng tôi có nhiều “ông trương” lắm, nhưng chẳng có “ông trương” nào gọi theo tên tục như thế cả: Ông Trương Chu, ông Trương Giai, ông Trương Tự, ông Trương Thuyết... đều là gọi theo tên con của các vị ấy cả. Cách gọi này quả cũng rất có lợi. Bởi vì nó làm cho bọn trẻ con chúng tôi khi chửi nhau hoặc khi trêu chọc nhau không lấy “tên tục” đâu ra mà réo. Chẳng hạn khi muốn trêu chọc chị Toàn, con gái ông Trương Chu thì chúng tôi hò nhau lại hát:

*“Ông Trương chu
Mà dù lông đít
Tôi xin một ít
Tôi đánh bầy cò
Được cốc tôi cho
Được cò tôi lấy”.*

Chị ấy chẳng động lòng. Coi như không có chuyện gì xảy ra. Có thể là vì chị ấy người lớn nên kẻ cả không thèm cháp. Nhưng quan trọng hơn là “Chu” không phải là tên tục của bố chị ấy. Mà đã không chạm đến tên húy, tên tục thì chẳng việc gì phải động lòng. Tương tự khi muốn trêu chọc “Thành chột” con ông Trương Giai, chúng tôi lại hò nhau hát:

*“Ông Trương Giai
Mà dài lông đít
Tôi xin một ít
Tôi đánh bầy cò
Được cốc tôi cho
Được cò tôi lấy”.*

Nó cũng chẳng động lòng. Nó bảo:

- Giai đếch phải là tên bố tao. Giai chỉ là tên anh tao thôi. Chúng bay không cần mồm đi, tao về tao gọi anh tao ra thì chúng bay liệu hồn!

Nhưng với bác Trương Hương nhà tôi thì tại sao lại không thế? Rất có thể chỉ là vì cái tên “Trương Hương” có vần có điệu, đọc thì thuận miệng, nghe thì êm tai, đã “mê hoặc” người làng tôi đến quên cả luật tục, nên cứ để nguyên vậy mà gọi chẳng?

Có lẽ là ngay từ trước đã có sẵn một con đường của xóm đi vắt ngang qua Đống Xộp ra bờ Ao Ròng để ra đồng. Con đường này chính là cái ranh giới tự nhiên chia tách phần đất của nhà bác Trương Hương với phần đất của nhà tôi và nhà chú Đăng. Con đường này sau cũng là con đường đi chung của ba nhà để ra đồng. Ba nhà cũng làm chung một cái Cổng Đồng. Ngoài Cổng Đồng, một bên là Ao Ròng, một bên là Ao nhà ông Lý Vị. Cái đoạn hai bờ ao giáp nhau này rất hay bị vỡ, lầy lội không đi được. Vì thế ba anh em năm nào cũng cũng thấy bảo nhau bắc một cái cầu tre, dạng “cầu khỉ” có tay vịn để đi lại. Bác Trương Hương chính là người khai sơn phá thạch ở cái khu Đống Xộp này. Bác tân tre, bác trồng cây biến khu Đống Xộp này thành một xóm dân cư.

Phải ngót chục năm sau, đến cuối năm 1940, sau khi cưới vợ bố tôi mới ra đây ở. Mới ở được có vài hôm thì đã bị trộm khoét vách vào lấy hết đồ thờ. Bố tôi tức lắm và nghi ngay cho tên Nắng. Nắng là một tên trộm chuyên nghiệp nổi tiếng ở trong vùng. Ban ngày hắn thường trú ẩn trong Chùa Sùng. Ban đêm hắn mò xuống

các làng ăn trộm. Người hẩn nhỏ, dáng hẩn nhanh và rất có tài lẩn trốn. Có người bị hẩn lấy trộm nhiều lần đã lên tận Chùa Sùng tìm bắt hẩn. Ấy vậy mà hẩn cứ chạy ngách này, rẽ ngách kia chỉ một loáng đã biến đi đâu mất. Bố tôi thì khác. Ông mài một mũi giáo mà quyết tâm rình để đâm hẩn. Rình đến đêm thứ ba thì quả nhiên thấy hẩn làng vắng quay lại. Hẩn đã ở bên kia bờ Rãnh Ròng, đang nhìn nhìn ngó ngó lấp ló muốn chui vào. Bố tôi thì căng thẳng đến nín thở, chỉ chờ hẩn vào gần là đâm. Nhưng hình như có linh tính mách bảo. Hẩn cứ định vào rồi chòen chợn lại lùi ra. Hai ba lần như thế và cuối cùng thì hẩn bỏ cuộc. Bố tôi cũng lặng lẽ ra về. Sáng hôm sau thì bên nhà bác Trương Hương kêu mất một buồng chuối. Thì ra hẩn chẳng hề bỏ cuộc. Hẩn chỉ lén vào lối khác sang vườn nhà bác Trương Hương cắt gọn một buồng chuối công đi mà không ai hay biết gì cả.

Cũng năm ấy bà nội tôi ốm nặng. Ngày 28 tháng 10 âm lịch năm ấy, giỗ Cụ Chánh cũng chỉ làm “gọn nhẹ”. Sau khi đi ăn giỗ bố về, ông tôi cảm thấy người hâm hiu khó ở. Cụ có cho gọi các con đến hội ý. Cụ dặn:

- Mẹ các anh đang ốm nặng. Bệnh tình này cũng không lâu nữa đâu. Phiền chợ Nam Sách đến, các anh phải đi tậu ngay một con trâu về, chuẩn bị dần đi là vừa.

Ngày hôm sau, bác Lý Khang và Bác Trương Hương đi chợ Nam Sách tậu trâu về. Bước sang ngày 1 tháng 11 thì ông tôi mất đột ngột. Thế là những thứ chuẩn bị cho đám tang mẹ lại dùng lo ma cho đám tang cha.

Ông tôi mất năm ấy đang ở tuổi sáu mươi tư. Trong gia đình, không kể gái, ông tôi là thứ hai, lại đang là “Tiên chỉ” nên người làng thường gọi là cụ Tiên Hai. Nhưng tên tục của cụ là Đổ Đình Đẳng. Theo “Đổ tộc gia phả” thì Cụ Chánh, tức là cụ thân sinh ra ông nội tôi, cũng có đến ba bà. Bà thứ nhất không có con nên các thế hệ sau hầu như quên biến. Bà thứ hai là Phương Thị Noãn, người Nam GIÁN, sinh được bà Ngoạn, ông Hào. Bà thứ ba là Đổ Thị Trà (người làng, dòng Đổ khác) sinh được Thang, Đẳng, Trường, An, Điểm. Trong đó Thang và Điểm là gái. Các cô tôi sau này hay nói với chúng tôi “*Ông nhà mình hiền lành và dễ chịu nhất nhà*”. Ông cũng có nghiên cứu sách thuốc nhưng không hành nghề và thường nói với con cái rằng:

- Làm nghề thuốc phải giỏi, không giỏi được thì đừng làm.

Có lẽ ông tôi không có năng khiếu về nghề y nên không làm “ông lang” mà chỉ chuyên nghề làm ruộng. Nhưng ông là người yêu văn nghệ. Có thời kỳ ông đã thành lập gánh hát chèo và đi “lưu diễn” ở quanh vùng. Ông cũng là người rất quan tâm đến việc dạy dỗ con cháu. Khoảng những năm hai mươi của thế kỷ trước (thế kỷ XX), khi bố tôi đã chín mươi tuổi, ông tôi đã xuống tận Kiến An mời một cụ cử tên là cụ Cử Đoan về nhà ngồi dạy học. Lớp học chỉ có bảy học trò con của cụ Đẳng và cụ Trường. Cụ Đẳng có: Vinh, Hương, Đẳng. Cụ Trường có: Tùng, Bách, Thung, Thụ. Ông tôi dành hẳn ngôi nhà trên làm nơi thầy ở và ngồi dạy học. Trước khi đón thầy về, căn nhà này đã được tổng vệ sinh một cách cực kỳ cẩn thận. Nó được lau rửa rất kỹ càng đến từng chiếc đòn tay, từng đầu kèo, chân cột. Tất cả vật dụng từ đồ thờ, đến sập gụ, tủ chè, giường thầy nằm đều bóng loáng. Thầy còn mang theo một cậu con trai tên là Tuấn. Rất có thể cái tên tôi cũng là do bố tôi “cóp” cái tên con của thầy mà đặt cho tôi. Ông tôi cung phụng bố con cụ Cử Đoan cực kỳ tươm tất. Một ngày bốn bữa, hai bữa chính và hai bữa phụ. Hai bữa chính cơm rượu, dọn riêng mâm cho bố con thầy ăn trên nhà. Hai bữa phụ là bữa sáng sớm và bữa đêm khuya thường ăn nhẹ bằng các món cháo: cháo khoai, chè bí, cháo gà, cháo cá...

Chương trình học cũng là Tam tự kinh và Tam thiên tự. Thầy Đoan ngồi trên một chiếc sập gụ. Bảy học trò ngồi trên một chiếc chiếu trải dưới nền nhà. Thầy Đoan điều hành lớp học bằng một cái roi mây rất dài. Thầy Đoan rất dữ đòn nên bọn học trò sợ thầy lắm. Sợ nhất là vào ngày chủ nhật. Buổi sáng thầy thường cùng gia chủ đi thăm thú và xem xét “địa lý” ở ngoài đồng. Buổi chiều về thì tiến hành “tổng kiểm tra”. Thầy viết tên các bài đã học vào những thẻ tre bỏ vào một cái ống. Học trò lần lượt lên rút thẻ bốc thăm. Rút phải bài nào thì đọc bài ấy. Không thuộc thì ăn đòn ngay lập tức. Thầy bắt nằm sấp xuống. Chân và tay bị kéo căng ra để không giẫy đạp hoặc co cẳng mà chạy được. Thầy cầm roi mây quất mạnh vào mông đến lần lươn, róm máu. Chẳng có học trò nào không phải nếm đòn của thầy Đoan. Nhưng chú Thụ tôi bị ăn đòn nhiều hơn cả. Trận đòn này chưa khỏi thì trận đòn khác đã bồi thêm. Cho nên cái mông thành viêm sưng mưng mủ. Lại không giữ gìn vệ sinh, để ruồi bâu vào thành có bọ. Có lần chú ấy phải nhờ bố tôi khều bọ hộ và rửa ráy cho. Bảy học trò của cái lớp học này, về sau có đến năm người đều trở thành những “ông nọ bà kia” trong làng xã. Chỉ có bố tôi và chú Thụ, hai học trò bé nhất của lớp, chưa kịp thành “ông nọ bà kia” thì cách mạng tháng Tám đã nổ ra và thời thế cũng thay đổi.

Đúng mười ngày sau khi ông tôi mất thì bà tôi cũng qua đời. Sau khi bố mẹ đã mất cả, chú Đặng tôi tuy chưa có vợ, nhưng cũng đã có nhà riêng ở khu Đống Xộp rồi, nên chú ấy cũng ra ở riêng. Chú ở một mình. Mãi đến năm 1946, chú mới cưới vợ. Vợ chú là người làng Đột Lĩnh bên Nam Sách, hơn chú những bốn tuổi và đã có một đời chồng. chồng trước của thím là một chiến sĩ cộng sản hy sinh từ những ngày còn trong “bóng tối”.

Đám cưới của chú Đặng thì tôi cũng đã biết rồi. Tôi đã được các anh các chị lớn rủ rê ra phía cổng làng đảng Xóm Bến để xem mặt cô dâu và chơi trò căng dây chần lỏi. Chúng tôi ngồi chờ ở cổng nhà ông Trương Hồi, hau háu nhìn ra phía ngoài đê. Khi thấy đoàn người lố nhố bước lên đê là chúng tôi đã bắt đầu rục rịch. Chúng tôi theo dõi đoàn người đi vòng vèo uốn lượn theo con đường mòn từ trên đê đi xuống và đi vào làng. Đoàn rước dâu bắt đầu đến bờ ao Ba Sào thì chúng tôi hò nhau ra căng dây chần lỏi. Cứ hai đưa một dây. Mỗi đưa cầm một đầu dây căng ngang qua đường làng. Đoàn rước dâu đến dây nào cũng cho tiền để chúng tôi bỏ dây ra. Cũng có những đôi rất lấu cá, nhân tiền xong họ lại rủ nhau chạy nhanh ra phía cuối đầu kia, căng dây tiếp. Thế là họ lại được nhận thêm tiền. Còn tôi vốn “ngây ngô chúa tàu” từ nhỏ nên nhận được đồng tiền thì đã hí hửng chạy về khoe mẹ: “*Mẹ ơi ! Con có tiền đây này !*”.

Khúc Viết Thêm

Khi tôi vừa viết xong phần này thì có điện của chú út mời về dự ăn tết ông Công ông Táo. Nhưng lý do quan trọng hơn mà chú ấy phải mời tôi về là cũng ngày hôm nay, nhân dịp tiễn Táo quân về trời chú ấy muốn chuyển Bàn thờ gia tiên ra nhà mới. Năm ngoái chú ấy đi lao động Hàn Quốc về có xây căn nhà hai tầng ra mặt đường cho thoáng mát hơn. Bà mẹ kể tôi, không hợp với con dâu nên nhất định không chịu ra ở với con trai:

- Tao không phải đi đâu hết. Tao cứ nhà tao tao ở.

Và bà cụ ở nhà một mình thật. Nhưng trước đây chừng một tháng bà cụ bị ngã gãy xương hông, phải nằm tại vị hàng tháng. Bất đắc dĩ bà cụ phải ra ở với con trai vậy. Vì thế mới có chuyện hôm nay chuyển bàn thờ gia tiên ra nhà mới. Ngôi nhà hương hỏa tổ tiên mà bố mẹ tôi ra ở riêng cuối năm 1940, sau tròn bảy mươi năm và sáu lần xây đi dựng lại, đến bây giờ lại đóng cửa để đấy, chờ có người mua thì chuyển sang chủ khác. Lớp người đầu tiên ra xóm Đống Xộp ở chỉ còn lại duy nhất có bà Đặng, tức là bà thím ruột tôi. Năm nay bà cụ đã chín mươi năm tuổi. Tâm trí đã lẫn thẩn quên quên nhớ nhớ. Chuyện trò cũng chẳng đâu vào với đâu. Câu trước câu sau chẳng ăn nhập gì với nhau. Nhưng tội nghiệp nhất là cái lưng của bà cụ, nó cong gập như hình một chữ u, nên dáng đi của bà cụ trông rất quái dị: cái chân bà cụ ngón cái tõe ra như dạng chân của người Việt cổ từ thời Giao Chỉ. Cái lưng thì cong gập xuống mà cái đầu lại phải cố ngẩng lên cho cái mặt khỏi cong gập lại. Cái dáng người quái dị ấy lại sống rất cô đơn, lủi thủi như riêng mình một thế giới. Đó không còn là thế giới của loài người, nhưng cũng chưa phải là thế giới của những âm hồn.

Cái Cổng Đồng xưa kia là dia làng thì nay đã thành giữa làng rồi. Tre làng bây giờ người ta đã phá hết. Nhưng riêng Cổng Đồng thì vẫn còn lại một khóm tre. Vì thế mà nó càng gọi nhớ. Thuở bé, ở chỗ này, chính là nơi mỗi buổi chiều muộn, tôi lại ra đây ngồi ngắm mẹ về. Khi đã mất mẹ, thì tôi lại ra đây ngắm bố. Những buổi chiều hanh heo cuối năm, người ta hay đốt cỏ núi cho cỏ già cháy đi, chờ sang xuân cho mầm mới mọc lên. Công việc này ở vùng tôi gọi là “lái núi”. Cứ đến mùa hanh heo là bọn trẻ con chúng tôi lại rủ nhau ra Cổng Đồng, ngó lên phía Chùa Sùng, núi Chóp Chài, núi Ông Sư... để xem người ta “lái núi”. Những ngọn lửa cứ cháy ngoằn ngoèo leo dần từ chân núi lên đến ngọn. Chỉ có vậy thôi mà năm nào bọn tôi cũng ngồi ở Cổng Đồng dõi xem không biết chán. Dường như trong những ngọn lửa bập bùng và đang rờn rấn nhau bò lên núi kia có một cái gì đầy bí ẩn luôn khơi gợi và kích thích trí tò mò của bọn trẻ chúng tôi.

Giỗ Chạp

Viết nhân ngày giỗ Bà Tặng,

Hàng năm cứ đến chừng độ hai mươi tháng mười là ba anh em xóm Đống Xộp lại rủ nhau vào ông trưởng để hỏi giỗ. Hỏi giỗ tức là hỏi ý ông trưởng xem năm nay định tổ chức giỗ bố, giỗ mẹ như thế nào? Nếu ông trưởng bảo:

- Năm nay thất bát hoặc đang có khó khăn riêng, tôi chỉ lưng cơm quả trứng kính cáo các cụ thôi.

Năm ấy các ông thứ, ông út sẽ tự lo liệu: hoặc hàn âm cúng riêng ở nhà, hoặc đóng góp tí chút để đến ngày kỵ nhật thì bảo vợ con ở nhà, một mình vào làm giỗ với ông trưởng. Còn nếu anh trưởng bảo

- Năm nay được mùa, kinh tế cũng tạm dư dật, tôi cũng định làm mười mâm để họp mặt anh em con cháu...

Thế thì năm ấy làm giỗ chung, các ông thứ, ông út phải góp giỗ cho ông trưởng. Mời mọc những ai đó là quyền ông trưởng. Các ông thứ, ông út sau khi đã thỏa thuận được với “bà trưởng” trưởng về khoản đóng góp

tài chính, thì đến ngày kỵ nhật, chỉ việc đưa cả vợ con đến nhà ông trưởng tham gia làm đám giỗ, rồi trước cúng sau ăn. Riêng về khoản đóng góp tài chính thì ông trưởng năm nào cũng chỉ phán một câu rất đường lối:

- Đóng góp bao nhiêu là tùy các chú.

Mà thế cũng đúng thôi, vì khi chia ruộng đất thừa kế cho các con, ông bà tôi đã để riêng cho ông trưởng một thửa ruộng rộng hơn một mẫu ở khu góc bờ kết làm ruộng tự điền rồi. Cây bờ kết không còn. Không ai rõ nó to lớn rườm rà và gai góc như thế nào. Cũng không biết ai là người đầu tiên đến đây khai phá chặt đốn cây bờ kết và thửa ruộng này đã qua tay bao nhiêu đời chủ? Người làng tôi chỉ gọi nó trong một cái tên rất ngắn gọn "Mẫu bờ kết". "Mẫu bờ kết" nằm gối đầu lên đồng Mã Bà và chõa chân ngay mép bờ con Sông Đào, vừa gần làng lại rất thuận tiện nước nổi. Nó thuộc loại bờ xôi ruộng mật năm hai vụ lúa. Dành thửa ruộng này làm ruộng tự điền là ông bà tôi đã rất ưu ái cho ông trưởng rồi. Như vậy về lý thì ông trưởng phải gánh vác việc cúng giỗ cha mẹ. Bảo các ông thứ, ông út tùy tâm đóng góp cũng là rất phải. Nhưng "bà trưởng" mới là người trực tiếp lo toan việc thu chi tính toán. Trong đầu "bà trưởng" chắc chắn là đã có sẵn một bản dự toán: làm bao nhiêu mâm, tổng chi phí mất bao nhiêu, ông trưởng chịu bao nhiêu, các ông thứ, ông út mỗi người phải gánh bao nhiêu... Cho nên không phải cứ tùy tâm bao nhiêu "bà trưởng" cũng nhận cho đâu. Nếu "dưới ngưỡng" thì "bà trưởng" sẽ bảo:

- Nếu chú khó khăn thì chú cầm về, chị không nhận đâu!

Thế là các ông thứ, ông út cứ phải về mà lo thêm tiền đóng góp cho "dù ngưỡng". Năm nào tôi cũng thấy cứ sau khi đi góp giỗ về là các vị lại bậm bực với nhau, không thoải mái.

Những năm làm giỗ chung thường hay tổ chức vào ngày giỗ ông. Làm giỗ chung thì chúng tôi được vào nhà bác Lý Khang ăn cỗ. Bọn trẻ con chúng tôi thường ăn ở "mâm trẻ con". Hàng chục đĩa xúm quanh một mâm cỗ "lào nhào như chào mào mổ gấc". Đĩa gắp, đĩa bốc, đĩa ăn, đĩa khóc, đĩa giãng giọ nhau rất chi là lộn xộn. Bởi thế "mâm trẻ con" nào cũng phải có một, hai người lớn trông coi để giữ gìn trật tự. Các món xôi, món thịt mỡ luộc thì chia đều ra cho mỗi đĩa một phần. Đĩa nào nhút nhát chậm chạp thì phải gắp, sẽ cho chúng ăn. Đĩa nào sắc sảo lanh chanh thì phải can thiệp... cũng khá là vất vả. Nhưng được cái đám trẻ con chúng tôi "đánh nhanh, hết chóng". Chỉ một loáng là chúng tôi đã buông đĩa bát và cầm phần xôi thịt của mình đứng dậy rồi mỗi đứa chạy đi một ngả. Đĩa ra bám mẹ. Đĩa ra bám bà. Còn tôi, tôi chạy luôn về nhà chứ không dám sán bố bởi bố tôi ngồi ăn cỗ ở nhà trên có đông khách khứa. Năm làm to thì mời đủ đại diện các hộ nội ngoại. Năm làm vừa thì chỉ mời đến đại diện các chi nội ngoại thôi. Nhưng năm nào tôi cũng thấy ở nhà trên đông chật. Mọi người ăn uống, cười nói, trò chuyện rất ồn ào. Tôi rất ngại lên đó. Với lại tôi đã có "kinh nghiệm xương máu" vì một lần "sán bố" mà ăn đòn rồi.

Lần ấy, vào đầu năm 1950, chị Khang tôi đi lấy chồng. Chị lấy anh Đồng Tố Soạn trên làng Nam Gián Đông. Anh đã có một đời vợ và một đứa con trai tầm tuổi tôi. Vợ anh, trong một lần chạy càn, đang lội qua Sông Đào thì bị tây bắn chết. Còn chị Khang lúc đó vẫn là một gái tân chừng hăm nhăm, hăm sáu tuổi. Nhưng gái quê như thế cũng là vào loại muộn. Ngày ấy đã thực hiện cưới xin theo nghi thức "Đời sống mới". Các đám cưới thường tổ chức rất giản dị, tiết kiệm. Nhất là bên nhà gái, cỗ bàn thường do bên nhà trai cung cấp, nên thường tổ chức rất hạn hẹp, để khỏi mang tiếng với dân làng là còn "thách cưới", còn "hủ lậu", không khéo lại còn rày rà với chính quyền nữa. Nhưng dù là giản tiện thế nào thì bố tôi vẫn vào diện phải mời. Nhưng trước khi đi bố tôi đã dặn tôi không được vào nhà đám. Tôi chạy sang nhà thím Đặng chơi. Nhưng khi về thì thấy nhà khóa cửa. Thế là tôi cứ long tong chạy vào cổng nhà đám. Cũng chỉ định gọi bố để lấy chìa khóa thôi. Nhưng bố tôi thì lại nghĩ rằng tôi cố tình không nghe lời, nên ông hăm hăm chạy ra rút ngay một đoạn que rào vụt tôi tới tấp và đuổi về. Từ trong nhà đám tôi thấy có nhiều người can với ra: "*cho cháu nó vào đây!*". Nhưng bố tôi không nghe và càng đánh tôi đau hơn. Tôi ôm đít chạy về. Đến đoạn đầu nhà bác Lý Tín, không thấy bố đuổi nữa, tôi bèn ngồi lại khóc hờn. Vừa khóc vừa gào bố. Lúc ấy chị Khang mới chạy ra. Chị định đỡ tôi và dắt tôi vào. Nhưng tôi càng hờn và dẫy dựa hơn. Chị bắt lực, đành chỉ nhìn tôi ằng ặng nước mắt. Một lúc sau chị đành phải bỏ về. Thế là ngày chị đi lấy chồng, em được trận lần mông. Không ngờ cái đám cưới không được ăn cỗ ấy lại thành ra một kỷ niệm sâu sắc.

Mười ngày sau lại đến ngày giỗ bà. Ngày giỗ bà rất ít khi được làm chung. Nhưng năm nào bố tôi cũng làm giỗ riêng ở nhà. Năm thì bố tôi đồ một chõ xôi, nấu một nồi chè làm mâm chay cúng cụ. Năm thì bố tôi lại mổ một con gà làm mâm cỗ mặn cúng cụ. Ấy là ngày giỗ "bà già". Ngoài bà già ra tôi còn những hai "bà trẻ" nữa. Bà hai đẻ ra chú Tạng nên chúng tôi thường gọi là "Bà Tạng". Còn bà ba đẻ ra chú Sen thì chúng tôi lại thường gọi là "Bà Ba Sen". Bà Ba Sen còn trẻ lắm. Khi ông tôi mất bà mới độ khoảng bốn mươi tuổi. Hai con thì đều còn nhỏ cả, ở quê chồng không biết dựa vào ai nên bà đã đem con về quê mình ở. Rồi bà tái giá lấy đời chồng thứ hai. Nhưng bà cũng không sinh thêm được ai nữa. Mãi về sau khi con lớn bà mới phải theo con

về quê chồng cũ ở. Cũng chỉ được hơn chục năm, đến năm 1971 phân lũ thì gia đình chú Sen cũng di cư lên Bình Giang ở. Bà Sen vốn là một người có nhan sắc. Đến tuổi già rồi nhưng trông bà vẫn đẹp. Nhưng bà hoàn toàn “đóng băng” với chúng tôi. Có thời bà ngồi bán hàng nước ở Quán Năm Gian, cách thị trấn Nam sách cũ về phía Hải Dương chừng vài trăm mét. Thứ bẫy chủ nhật nào tôi cũng học ở Hải Dương đi về qua đây, nhưng cứ chợt nhìn thấy tôi là bà lại vội nhìn lảng đi ngay. Chưa có một lần nào bà gọi tôi vào quán. Cũng chưa một lần nào bà hỏi thăm tôi được một vài câu. Sau này, khi đã về làng tôi ở, tôi cũng không thấy bà đi lại chơi bời với các bác các chú tôi bao giờ. Cũng có một đôi lần bọn anh em con chú con bác chúng tôi tổ chức lên thăm bà, nhưng bà cũng chỉ tiếp chúng tôi một cách hững hờ gương gạo. Ngay cả trong những lần giỗ chạp ông bà nội tôi, tôi cũng không thấy bà có mặt? Mãi đến năm 1981 Bà Ba Sen mới qua đời.

Chỉ có Bà Tặng là ít nhiều gọi cho tôi cảm giác gần gũi của một bà nội. Có lẽ vì bà là người cùng làng và cùng họ với mẹ tôi. Đột nhiên tôi nghĩ rất có thể chính bà đã là người “đánh mối” cho cuộc nhân duyên của bố mẹ tôi? Thế là tôi lại về làng để thẩm định cái suy nghĩ ấy. Tôi hỏi bà mẹ kế tôi. Bà cụ sau hai tháng nằm bất động để điều trị gãy xương, nay đã hai tay chống cái ghế nhựa lom khom đi lại trong nhà được rồi. Trông bà cụ đi cứ như người ta đang “úp nơm” trong cái nền nhà vậy. Bà cụ cho biết Bà Tặng không những đã “đánh mối” cho bố mẹ tôi mà còn “đánh mối” cho cả chú thím Đặng tôi nữa. Thảo nào mà ngày còn sống ma Bà Tặng, cụ rất hay ra nhà tôi và chú Đặng chơi. Bà Tặng trông người giản dị. Mùa rét bà thường mặc cái áo bông trần hạt lựu đã dung dúc cũ, đầu đội khăn mỏ quạ, miệng bồm bồm nhai trầu. Nhưng bà cụ không mặc váy mà chỉ mặc cái quần ống hơi bó và bỏ lửng ở trên mắt cá chân một đoạn. Chân thường đi đất, tay cầm gậy. Có lẽ vì đường làng ngày ấy còn lầy lội và bẩn thỉu nhiều, chứ bà cụ trông vẫn khỏe mạnh ngay ngắn. Những ngày làng tôi còn giữ lệ “Đặng cai lễ chùa”, tuần rằm mùng một nào bà cũng chia phần cho các cháu – trong đó có tôi – mỗi đứa một khoanh chuối dày chừng nửa phân và nửa chéo oản to bằng độ hai đầu ngón tay. Giọng nói bà cũng hơi khàn khàn. Nhưng bà ít nói thường chỉ biểu lộ tình cảm bằng cử chỉ và cái nhìn chia sẻ thôi. Mãi đến năm 1952 Bà Tặng mới qua đời. Nhưng từ khi các bà mất chúng tôi cũng chưa một lần được “ăn giỗ” các bà. Trong chi họ cũng không thấy khi nào nhắc nhở đến việc cúng giỗ các bà cả. Cứ như là bỏ khoán cho con cháu các bà thôi.

Tôi cũng nghe nói ngày trước các đám xá cúng giỗ ở “nhà tôi” thường được tổ chức rất linh đình trang trọng. Nhưng đến thế hệ bố tôi thì thời thế biến loạn, hết lo chống giặc nọ, lại đến lo chống giặc kia, hết lo đánh giặc ngoại xâm, lại lo đánh kẻ thù giai cấp, đòi người cứ lặn lên lộn xuống như xóc ốc, không mấy lúc được an nhiên. Mục đích thì cũng định giải phóng quốc gia, giải phóng con người nhưng thực tế thì con người cứ phải gánh chịu hết hy sinh nọ đến hy sinh kia, phải chấp nhận một cuộc sống cứ ngày càng co thắt hơn và chật chội thêm. Mọi nhu cầu của con người đều bị cắt xén đến mức tối thiểu. Người sống đã thế thì người chết còn lo sao cho chu tất được. Những ngày giỗ thường chỉ làm “giỗ dúm”. Còn chạp thì coi như không có. Ngày thanh minh cũng không thấy dỡ dúi ăn uống, lễ bái gì. Chỉ thấy mỗi hộ cắt cử một người, đem theo một cái cuốc vào nhà bác trưởng để đi tảo mộ. Bác trưởng cầm một nắm hương, dẫn đoàn quân vác cuốc theo sau, đi hết đồng này sang đồng khác. Đến đâu có mộ người nhà thì bác dừng lại chỉ dẫn. Một người đánh một vàng cỏ úp ngược lên đỉnh mộ. Bác trưởng thắp một nén hương cắm lên đỉnh vàng cỏ. Ngôi mộ nào rậm rạp thì phát dây cho quang quẻ. Ngôi mộ nào sạt lở thì đắp bồi vào. Ngôi mộ nào quá bé cũng đắp to thêm cho dễ nhận. Nhưng cũng không làm được đều đặn hàng năm. Khi các cụ già yếu, không có người dẫn đi thì cũng bỏ. Ngày ấy, toàn là mộ đất cả. Ngôi nào cũng tròn tròn như một nắm cỏ xanh trông cứ sần sần giống nhau nên rất dễ nhầm lẫn. Người thời ấy còn nghèo, nhưng lại sợ làm giàu. Vì giàu bị coi là bóc lột, giàu đồng nghĩa với tội ác. Ngay từ thời tôi còn rất bé, tôi đã thấy người làng tôi truyền nhau một câu ca dao:

*Ai ơi chớ vội làm giàu
Thằng Tây nó téch, thằng Tàu nó sang.*

Mãi đến những năm “Đổi mới”, kể ra so với những nước phát triển thì cũng chưa là gì, nhưng cứ tự so với mình những năm trước đó thì cũng có phần đã “dễ thở” hơn, lớp người trẻ làng tôi mới rục rịch làm giàu. Đầu tiên là phong trào “ngói hóa”. Cũng toàn là vát mỏ hôi mình ra trộn với đất mà dựng xây nên. Có bao nhiêu gò đồng, nhất là những gò đồng gần làng, họ đào cho bằng phẳng, để lấy đất sét nung gạch. Có bao nhiêu cầu quán, bia đá họ cạy cho bằng sạch để nung vôi xây tường. Nhà gạch lợp ngói mọc lên san sát. Những ngôi nhà tre mái rạ cổ truyền vĩnh viễn đi vào quên lãng. Nhưng dương thịnh thì âm suy. Không biết bao nhiêu ngôi mộ-nơi yên nghỉ của những lớp người làng thưở trước-bị khai quật. Cũng toàn là những ngôi mộ mà con cháu xa đời bỏ quên trở thành mộ vô chủ. Cũng đa phần chỉ còn thấy tiểu sành, nôi hồng với đất không. Những ngôi mộ như thế lập tức bị thanh lý. Họ đem đổ xuống sông, xuống ao, thậm chí còn đổ xuống để độn đường.

Chỉ có những ngôi mộ nào còn có xương thì họ mới chôn tạm ra chỗ khác, khẩn vái xin tha thứ và phù hộ cho họ “ăn nên làm ra”... Ngay đến “Lăng Cụ Hậu” xây đá đẹp thế mà họ cũng chặt đứt ra, chấp vá nham nhở, đưa thêm mộ con cháu vào, thành một khu mộ địa rất lộn xộn. Đống Mả Bà, đống Mả Sác... rộng mênh mông, xưa kia vẫn là bãi thả trâu, mộ san sát như bát úp, vậy mà nay thành đất bằng, thành ao, thành làng xóm dân cư đông đúc.

Mới đầu người làng tôi còn làm giàu bằng cách làm thêm vụ đồng: trồng hành, tỏi xuất khẩu. Nhưng xem ra vất vả mà thu nhập cũng kém xa so với việc đem bán mồ hôi ở xứ người. Thế là người làng tôi lại đua nhau đi lao động xuất khẩu. Người sang Nga, sang Đức; người sang Nhật, sang Hàn... Cứ đi bán mồ hôi như thế vài năm là cũng có “đôi trăm”. Khi về đã thành người có dần có vốn. Cũng có người “tái đầu tư” cho con em đi tiếp. Có người ra phố mở mang kinh doanh, nhưng cũng có người chỉ đầu tư vào một “căn nhà hiện đại”... Bộ mặt làng tôi bây giờ đã hoàn toàn khác trước. Nhà tranh không còn, tre trở thành vô ích. Những lũy tre làng bị đốn trụi, thay thế bằng các loại cây ăn quả mà phổ biến nhất là nhãn, là vải...

Cùng với việc làm giàu, người làng tôi cũng rục rịch vận động nhau khôi phục cái lệ tục cưới xin, cúng giỗ đã bị mai một và bỏ quên hàng mấy chục năm. Riêng chi họ nhà tôi, vào khoảng năm 1990, ông Đỗ Đình Tuấn (tên cha mẹ đặt ở nhà là Đỗ Đình Vĩnh) con trai trưởng cụ Lý Khang về nghỉ hưu. Với tư cách là một chi trưởng trong dòng họ, ông bắt đầu vận động trong chi khôi phục việc giỗ ông nội tôi hàng năm, mà mọi người cứ quen gọi là “giỗ họ”. Tôi ở xa, không rõ là các vị ấy họp bàn như thế nào, nhưng được thông báo là chi nhà đã thành lập “Hội đồng gia tộc chi 2” để lo việc “giỗ họ”. Hội đồng gồm bốn ông “nhánh trưởng” đang ở làng, hai bà cô và một bà thím còn tương đối khỏe mạnh và tinh táo. Cụ thể là: ông Tuấn, ông Thi, ông Tân, ông Huy, bà Đăng, bà Hồi, bà Lưu. Từ đó hàng năm cứ đến rằm tháng mười là “Hội đồng” lại họp bàn bạc thống nhất mức đóng góp, phân công ban tài chính, ban hậu cần... Đến ngày giỗ thì cứ theo số lượng người đóng góp mà làm cỗ. Nhộn nhịp và đông đảo hơn cả vẫn là bộ phận hậu cần. Chừng nửa buổi thì các ông “nhánh trưởng” đem lễ ra đồng tạ mộ, tiện thể làm luôn cả công việc của ngày thanh minh. Xong lễ ở ngoài đồng mới về làm lễ ở từ đường. Ông chi trưởng đứng nghiêm cẩn trước bàn thờ đọc lời khẩn. Hai ông “nhánh trưởng” đứng chầu rệu ở hai bên bàn thờ đặt hai mâm cỗ. Các bà, các mợ rải chiếu ngồi sau chấp tay để sẵn dưới gầm, thỉnh thoảng lại vái phụ họa theo ông chi trưởng. Những người còn lại đứng vây quanh trước bàn thờ.

Làm lễ xong, trong khi chờ đợi các cụ về thụ lễ, thì con cháu cũng tranh thủ “họp họ”. Hội đồng gia tộc báo cáo, đề xuất. Mọi người góp ý bổ sung. Những vấn đề cứ dần dần nảy sinh. Đầu tiên là lập “Quỹ tình nghĩa” để thăm hỏi ốm đau và phúng viếng đám héo. Đám héo thì đương nhiên rồi. Nhưng còn khoản thăm hỏi người sống ốm đau thì quả là nan giải. Hội đồng gia tộc không tài nào để theo dõi cho khắp, cũng không lấy hơi sức đâu mà đi cho đều. Thế là lại thắc mắc tị nạnh nhau, kính chẳng bỏ phiền. Sau phải bỏ. Lại đến việc lập “Quỹ khuyến học”. Cũng đã thu được chừng nửa số họ. Số còn lại ỷ ra không chịu nộp. Trong hội nghị họ chẳng nói gì, chỉ sờ cằm cười tủm. Nhưng ra ngoài thì họ bảo:

- Con nhà tôi nó học dốt như bò ấy, có khuyến nó cũng chẳng học.

Thế là cũng không thành. Cũng có ý kiến đề xuất lập “Quỹ hương hỏa” để thay thế cho chế độ “tự điền”. Nhưng mọi người đều im thin thít cả, không thấy ai hưởng ứng.

Nhưng mười năm cuối cùng của thế kỷ XX, “Hội đồng gia tộc chi 2” cũng làm được mấy công việc đáng kể. Năm 1995, chủ trương các cháu đứng ra xây mộ cho ông bà. Việc này làm được. Năm 2000 chủ trương soạn thảo lại “Đỗ tộc gia phả”, vừa chuyển ngữ, vừa bổ sung thêm. Việc này cũng hoàn thành. Cũng có người đề xuất việc tổ chức cúng giỗ luân phiên giữa giỗ ông với giỗ bà. Nhưng lúc đó nhiều người còn phân vân về việc ông có nhiều bà quá. Nếu chỉ giỗ “bà già” mà không giỗ các “bà trẻ” thì không phải. Mà giỗ luân phiên hết ông rồi lần lượt đến các bà thì ngày “giỗ họ” sẽ chạy lung tung ra suốt quanh năm. Anh em con cháu bây giờ cũng không ở cùng làng như trước, mà gần cũng khắp huyện, khắp tỉnh và các tỉnh xung quanh. Việc triệu tập nhau lại đâu có dễ dàng gì. Thôi thì cứ làm gộp cả vào ngày giỗ ông, mời đủ các bà về cùng dự, vừa đầm ấm gia đình, vừa thuận tiện cho con cháu. Cái lý của thời chúng tôi là như thế.

Nhưng cuối năm 2008, ông Đỗ Đình Thi, nhánh trưởng nhánh 2 từ trần. Ông Thi cũng ốm đau quặt quẹo từ lâu rồi. Ông ấy mắc một căn bệnh về phổi. Có thời kỳ đã bị nghi là lao phổi, nhưng không phải. Khi bệnh phát, ông ấy có cảm giác nóng rát ở phía sau ngực và khó thở. Vốn làm việc trong ngành y, lại sợ chết nên rất chịu khó đi nằm viện. Hai ông bà cứ khăn gói đưa nhau đi bệnh viện luôn luôn. Nhè nhẹ thì nằm ở huyện. Nặng hơn thì lên tỉnh. Cũng có kỳ phải lên tận Hà Nội. Có khi vừa xuất viện về được vài hôm thì lại đi nhập viện. Ông đi nằm viện thì bà phải đi theo để chăm ông. Hai ông bà gần như dân chuyên nghiệp đi nằm viện. Tuy

cũng bằng tuổi ông, nhưng bà còn khỏe mạnh. Càng đi bệnh viện chăm ông thì bà càng béo trắng ra và lùn tịt lại. Còn ông, bệnh đã thành mãn tính và càng ngày càng nặng. Về sau ông cũng chán, không lên tuyến trên nữa. Chỉ tự điều trị ở nhà và cùng lắm thì vào huyện nằm thôi.

Hôm rằm tháng tám năm Mậu Tý (14/9/2008), tôi đang ăn trưa thì thấy cả vợ và con cái ông ấy vào thăm tôi. Mời ăn, mời uống gì cũng không được. Bà ấy giải thích với tôi: “*Vừa ấy ăn uống ở ngoài kia cả rồi.*” Tự nhiên sáng nay ông ấy bắt cả nhà phải đưa ông ấy vào thăm chùa Côn Sơn rồi vào đây thăm các chú. Tự nhiên tôi cũng nghĩ “*Chắc là bác ấy dở đời rồi đây*”. Nghĩ vậy thôi chứ không dám nói ra miệng. Bác ấy nói với tôi:

- Lần nào các chú về nhà cũng vào thăm anh, mà anh thì chẳng mấy khi đến thăm các chú được. Hôm nay anh cảm thấy người khỏe khỏe nên báo các cháu đưa đi thăm thú một số nơi, qua đây thăm chú, lát nữa ra chỗ chú Tu một lúc thì anh về.

Gần ba tháng sau, tôi nhận được điện ở nhà báo: “*Bác Thi hôm qua lại vào nằm viện đấy, bác đã ra thăm chưa?*”. Chiều hôm sau tôi ra thăm, thấy bác ấy đã ngồi dậy được.. Bác ấy bảo:

- Tôi tỉnh rồi, chắc không làm sao đâu.

Đưa con gái lấy chồng ở Nam Hà cũng vừa về. Thấy bố yếu nó cứ vừa sụt sịt khóc vừa hỏi chuyện bố. Bác ấy bảo con gái:

- Bố mệt lắm, hỏi ít thôi, để bố nghỉ.

Tôi ngồi chơi với bác một lúc thì xin phép ra về. Hẹn đến tối sẽ đưa mọi người ra thăm. Nhưng chưa kịp ra thì đã nhận được điện ở nhà báo lên. “*Bác Thi mất lúc 7 giờ, đã đưa về nhà rồi. Hôm đó là ngày 12 tháng 11 năm Mậu Tý (8/12/2008).*”

Đến cuối năm 2009, ông Đỗ Đình Tuấn, nhánh trưởng nhánh 1, cũng đồng thời là chi trưởng chi 2, tai biến. Một chàng rể lái xe máy cho ông sang Hải Dương ăn cưới cháu. Ngang đường thì tự nhiên ông xỉu. Anh chàng rể cũng sáng ý, nhanh tay. Thấy xe lảng đi bất thường, nó nghĩ ngay là chắc bố làm sao, bèn quờ tay giữ bố và từ từ phanh xe lại. Tiện có di động, nó gọi cho anh vợ ngoài Hải Dương thuê ngay xe về đưa ông đi cấp cứu. Ông qua cơn nguy biến nhưng một bên chân tay bị liệt. Thế là phải để ông ở nhà người con trai bên Hải Dương thuê bác sĩ về nhà để “phục hồi chức năng”. Vài tháng sau ông cũng tập tễnh chống nạng đi lại được vài bước. Hy vọng là có thể phục hồi nên ông đòi về quê. Nhưng cũng không dám về ngôi nhà hương hỏa tổ tiên để lại dưới làng ở nữa. Vì nhà vắng, hè cao, lại không tiện đường giao thông. Sẵn có ngôi nhà ông xây mấy năm trước trên Bình Giang cho con trai trưởng, nhưng đang bỏ không, nên ông về đó ở. Ai đến thăm, ông cũng vừa nói vừa khóc nức nở, nước mắt nước mũi cứ dàn dụa ngoen ngoét cả ra. Ít lâu sau ông đã chống nạng tự đi được ra cửa ngồi chơi, thì đùng một cái ông lại bị tái phát. Lại phải đưa ông đi. Rồi cũng lại phải đưa ông về. Nhưng bây giờ thì tình trạng của ông trầm trọng hơn nhiều.

Hôm 16/10/2010 (9/8/Canh Dần), tôi đến thăm ông ở Hải Dương, được bà ấy cho biết: “*mấy hôm nay không ngủ được nhưng từ sáng đến giờ lại thấy ngủ li bì gọi cũng không được.*” Ông nằm ngủ trên giường, đắp kín chăn đến cổ, chỉ hở có khuôn mặt, trông đã thấy gầy hơn kỳ trước. Hôm 26/1/2011 (24/1/Tân Mão), tôi lại đến thăm ông ở Bình giang. Tôi gõ cửa, chờ một lúc thì thấy bà ấy ra mở cửa. Thấy tôi, bà ấy quay vào gọi:

- Này ông Tuấn ơi ! Ông Tuấn ông ấy về chơi đây này.

Nhưng không thấy ông ấy trả lời. Tôi vào vẫn thấy ông ấy nằm ngủ trên giường. Tay phải đã bị trói lại, bởi nghe đâu gần đây, ông ấy đâm ra bực bội, hay dùng tay phải, chân phải (bên không bị liệt) để hất tung chăn chiếu và bà ấy vào gần thì nhiều khi lại đâm đá rất đau. Tôi ngồi bên cạnh giường. Bà ấy ngồi phía đầu giường, vừa lay đầu chongoi vừa hỏi:

- Ông có biết ông Tuấn là con ai không?

Ông ấy lí nhí một câu gì đó tôi nghe không rõ. Nhưng bà ấy phiên dịch là

- Ông Đăng! Thế là cũng biết đấy chú ạ.

Rồi bà ấy lại hỏi:

- Thế ông có biết hôm nay là ngày gì không?

Ông ấy lại trả lời cũng lí nhí tôi nghe không rõ. Cái tai tôi bây giờ tuy chưa điếc đặc nhưng cũng nghễnh ngãng nhiều rồi. Cứ phải nói to to thì mới nghe được. Còn nói bé thì chịu. Vì thế mà bà ấy lại phải phiên dịch cho tôi nghe cái tiếng mà ông ấy vừa lí nhí:

- Giỗ ông Đăng.

Đúng rồi. Thế là ông ấy vẫn tỉnh. Bà ấy lại lay đầu ông ấy bảo:

- Nói chuyện với ông Tuấn một lúc nhé!

Nhưng không thấy ông ấy có bất cứ một phản ứng gì. Bà ấy nói với tôi:

- Cũng cứ lúc tỉnh, lúc mê, lúc biết, lúc không như thế đấy chú ạ. Có hỏi thì mới nói, chứ không chủ động tự nhiên mà nói đâu.

Theo những người có kinh nghiệm về căn bệnh này thì ông ấy bị liên tiếp hai lần gần nhau như thế thì khả năng phục hồi là không thể.

Vì thế mà ngày “giỗ họ” chi tôi năm nay không mở mang được, chỉ làm gói gọn thôi. Chi tôi có sáu nhánh, mỗi nhánh cử hai người gồm bố và con trưởng. Ông Thi đã mất. Ông Tuấn đang nằm liệt. Tôi hôm ấy cũng đang viêm thanh quản nói không ra tiếng nên không về được. Vậy là chỉ có ba ông “nhánh trưởng” còn lại với sáu người con trưởng. Hôm ấy làm có hai mâm, cũng ở trên Bình Giang, chứ không về từ đường làng cũ được. Tuy đã có ý định từ lâu, nhưng hôm ấy mới chính thức bàn giao việc “giỗ họ” cho thế hệ thứ tám. Chúng tôi chỉ còn làm lớp người cố vấn. Các cháu bàn bạc và quyết định từ năm nay, ngoài giỗ ông ra, thì mỗi năm sẽ lần lượt tổ chức thêm một lần giỗ bà nữa cho tình anh em thêm gắn bó. Cái ý ấy bây giờ lại thành ra hợp lý. Vì ông chi trưởng đang nằm liệt. Mà con gái ông chi trưởng thì lại ở mãi bên thành phố Hải Dương. Trong khi đó thì con cháu “Bà Tặng”, con cháu “Bà Ba Sen” lại đang ở quê nhà. Làm san ra như thế lại thành ra thuận lợi và đẹp đẽ mọi đường.

Ngày hôm nay (mùng 3 tháng 2 âm lịch) mới là ngày chính giỗ “Bà Tặng” lần thứ 59. Nhưng các cháu đã tổ chức vào ngày chủ nhật từ hôm qua rồi. Tôi bận dự đại hội Người Cao Tuổi không về được. Chỉ cử con dâu trưởng và con gái về dự. Tối về, tôi mới điện cho chú Huy: “*Thế nào, kết quả tốt không?*”. Chú Huy trả lời: “*Đông vui lắm bác ạ. Làm tất cả 11 mâm. Các cháu nó cũng vừa mới giải tán xong*”.